

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học Máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Hồng Trang

2. Ngày tháng năm sinh: 15/10/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Đức Yên, Đức Thọ, Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Chung cư Bàu cát 2, Thái Thị Nhạn, P.10, Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Chung cư Bàu cát 2, Thái Thị Nhạn, P.10, Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0903801738;

E-mail: lhtrang@hcmut.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 06,2006 đến tháng, năm 07,2016: Giảng viên tại Trường Đại học Vinh

Từ tháng, năm 12,2016 đến tháng, năm 07,2021: Giảng viên tại Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG Tp. HCM

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học và Kỹ thuật máy tính, Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 268 Lý Thường Kiệt, P.14, Q. 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 12 tháng 08 năm 2005, số văn bằng: C0704381, ngành: Sư phạm, chuyên ngành: Sư phạm tin học; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Vinh, Việt Nam
 - Được cấp bằng ThS [4] ngày 09 tháng 08 năm 2011, số văn bằng: QM012154, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học công nghệ, ĐHQG Hà Nội, Việt Nam
 - Được cấp bằng TS [5] ngày 14 tháng 12 năm 2015, số văn bằng: 2147/ISTCD/14, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng và tính toán; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Lisbon, Bồ Đào Nha
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Tối ưu tổ hợp:

- Các thuật toán hiệu quả cho các bài toán Hình học Tính toán và Ghép cặp
- Các ứng dụng trong Khoa học Máy tính

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 9 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Bộ; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 27 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đáp ứng tiêu chuẩn và hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 14 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015				2	330		330/403/168
2	2015-2016				3	295	45	340/549,05/280
3	2017-2018				2	227	45	272/724,5/256,5
03 năm học cuối								
4	2020-2021				1	288		288/372,86/285
5	2018-2019			2	3	251	45	296/731/256,5
6	2019-2020			3	8	159	7	166,5/450,02/256,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Bồ Đào Nha năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hoài Phương		X	X		09/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Vinh	31/07/2017
2	Nguyễn Tuấn Anh		X	X		09/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Vinh	31/07/2017

3	Nguyễn Thị Tô Mi		X	X		09/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Vinh	31/07/2017
4	Nguyễn Đình Khương		X	X		09/2016 đến 02/2017	Trường Đại học Vinh	31/07/2017
5	Mã Trường Chu		X	X		02/2019 đến 06/2019	Trường ĐHBK – ĐHQG Tp. HCM	24/11/2020
6	Nguyễn Lê Hoàng		X		X	02/2019 đến 06/2019	Trường ĐHBK – ĐHQG Tp. HCM	19/05/2020
7	Võ Thị Mỹ Hạnh		X	X		08/2019 đến 12/2019	Trường ĐHBK – ĐHQG Tp. HCM	19/05/2020
8	Đặng Thế Hùng		X	X		02/2020 đến 06/2020	Trường ĐHBK – ĐHQG Tp. HCM	24/11/2020

9	Nguyễn Ngọc Minh Thư		X	X		02/2020 đến 06/2020	Trường ĐHBK – ĐHQG Tp. HCM	24/11/2020
---	----------------------	--	---	---	--	------------------------	----------------------------	------------

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Hình học tính toán - Các thuật toán cơ bản & Thực thi	TK	Nhà xuất bản Đại học Vinh, năm 2018	2	VC	(Chương 2 (27-52) - Chương 4 (78-86) - Chương 5 (101-112))	1180/QĐ-DHBK, Ngày 21/05/2021

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Phân cụm dữ liệu lớn dựa trên tập mẫu và xu hướng cụm	CN	C2019-20-12 (ĐHQG-HCM), cấp Bộ	15/04/2019 đến 26/12/2020	26/12/2020 Xếp loại: Tốt
2	Ước lượng trực quan xu hướng cụm cho tập dữ liệu lớn	CN	To-KHMT-2017-09, cấp Cơ sở	21/03/2018 đến 21/03/2019	21/03/2019 Xếp loại: Đạt
3	Áp dụng phương pháp lặp cho bài toán tìm đường đi ngắn nhất qua các đoạn thẳng trong không gian 3 chiều	TK	T-KHMT-2017-49, cấp Cơ sở	15/06/2017 đến 27/12/2018	27/12/2018 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Một số phương pháp nhận dạng chữ Nôm	9	Không	Hội thảo quốc gia lần thứ IV về Nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNTT và TT (ICT.rda)			Pp. 309-318	08/2008
2	Some approaches to Nôm optical character recognition	7	Không	VNU Journal of Science			Vol. 24, 3S	12/2008
3	A parallel algorithm based on convexity for the computing of Delaunay tessellation	2	Không	Numerical Algorithms (ISSN: 1017-1398)	Q1 - SCIE IF: 2.064	3	Vol. 59, No. 3, pp. 347-357	10/2011

4	An efficient convex hull algorithm for finite point sets in 3D based on the method of orienting curves	2	Không	Optimization (ISSN: 0233-1934)	Q2 - SCIE IF: 1.52	8	Vol. 62, No. 7, pp. 975–988	07/2013
5	On the performance of triangulation-based multiple shooting method for 2D shortest path problems	4	Có	Transactions on Large-Scale Data and Knowledge-Centered Systems (ISSN: 1869-1994)	LNCS Transactions - Scopus	2	Vol. 8960 pp. 45–56	12/2014
6	An exact algorithm for minimizing a sum of Euclidean norms on rays in 2D and 3D	3	Không	Numerical Functional Analysis and Optimization (ISSN: 0163-0563)	Q2 - SCIE IF: 0.896		Vol. 36, No. 4, pp. 405–418	02/2015

7	A sequential convex programming algorithm for minimizing a sum of Euclidean norms with non-convex constraints	4	Có	Optimization Methods and Software (ISSN: 1055-6788)	Q1 - SCIE <i>IF: 1.431</i>		Vol. 31, No. 1, pp. 187–203	01/2016
8	A bidirectional local search for the stable marriage problem	4	Không	The 10th International Conference on Advanced Computing and Applications (ACOMP), ISBN: 978-1-5090-6143-3	- Scopus	11	pp. 18–25	11/2016
9	An empirical local search for the stable marriage problem	4	Không	The 14th Pacific Rim International Conference on Artificial Intelligence (PRICAI), ISBN: 978-3-319-42910-6	- Scopus	9	pp. 556–564	08/2016
10	Finding "optimal" stable marriages with ties via local search	3	Có	The 8th International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE), ISBN: 978-1-4673-8929-7	- Scopus	1	pp. 61–66	10/2016

11	An iterative algorithm for computing shortest paths through line segments in 3D	3	Có	The 4th International Conference on Future Data and Sercurity Engineering (FDSE), ISBN: 978-3-319-70003-8	- Scopus	2	pp. 73–84	11/2017
12	Multiple shooting approach for computing shortest descending paths on convex terrains	2	Có	Computational and Applied Mathematics (ISSN: 0101-8205)	Q3 - SCIE <i>IF</i> : 1.36		Vol. 37, No. 5, pp. 6499–6529	08/2018
13	A Sample-based algorithm for visual assessment of cluster tendency (VAT) with large datasets	3	Có	The 5th International Conference on Future Data and Sercurity Engineering (FDSE), ISBN: 978-3-030-03191-6	- Scopus	4	pp. 145–157	11/2018
14	A searching for strongly egalitarian and sex-equal stable matchings	4	Có	The 13th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM), ISBN: 978-3-030-19062-0	- Scopus		pp. 1100–1111	01/2019

15	Scaling big data applications in smart city with Coresets	4	Có	The 8th International Conference on Data Science, Technology and Applications (DATA), ISBN: 978-989-758-377-3	- Scopus		pp. 357–363	08/2019
16	A max-min conflict algorithm for the stable marriage problem	5	Có	The Pacific Rim Knowledge Acquisition Workshop (PKAW), PRICAI, ISBN: 978-3-030-30638-0	- Scopus		pp. 44–53	08/2019
17	Finding MAX-SMTI for stable marriage with ties and bounded preference lists	4	Có	The 13th International Conference on Advanced Computing and Applications (ACOMP), ISBN: 978-1-7281-4723-9	- Scopus		pp. 107–111	11/2019
18	A comparative study of the use of Coresets for clustering large datasets	3	Không	The 6th International Conference on Future Data and Security Engineering (FDSE), ISBN: 978-3-030-35652-1	- Scopus	4	pp. 45–55	11/2019

19	An fft-based sampling algorithm for k-clustering	3	Có	The 14th International Conference on Ubiquitous Information Management and Communication (IMCOM), ISBN: 978-1-7281-5453-4	- Scopus	4	pp. 1–6	01/2020
20	A Shortlist-based bidirectional local search for the stable marriage problem	5	Không	Journal of Experimental and Theoretical Artificial Intelligence (ISSN: 0952-813X)	Q2 - SCIE <i>IF: 2.111</i>	1	Vol 32, No. 1, pp. 147–163	01/2020
21	Automatically Finding the Number of Clusters for Large Datasets based on Coresets	3	Có	The 4th International Conference on Big Data and Internet of Things (BDIoT), ISBN: 978-1-4503-7550-4	- Scopus		pp. 1–6	08/2020
22	A Comparative Study of the Some Methods Used in Constructing Coresets for Clustering Large Datasets	3	Không	SN Computer Science (ISSN: 2661-8907)	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	3	Vol. 1 Paper 215	06/2020

23	A Convex Optimization Based Method for Color Image Reconstruction	3	Có	The 6th International Conference on Future Data and Security Engineering (FDSE), ISBN: 978-981-33-4369-6	- Scopus		pp. 373–383	11/2020
24	Một thuật toán tìm kiếm cục bộ hiệu quả giải bài toán phân công địa điểm thực tập cho sinh viên	4	Không	Hội thảo quốc gia lần thứ XXIII: Một số vấn đề chọn lọc của CNTT và TT			pp. 271–276	11/2020
25	A max-conflicts based heuristic search for the stable marriage problem with ties and incomplete lists	5	Có	Journal of Heuristics (ISSN: 1381-1231)	Q2 - SCIE <i>IF: 1.577</i>		Vol. 27 pp. 439–458	01/2021
26	Clustering helps to improve price prediction in online booking systems	3	Có	International Journal of Web Information Systems (ISSN: 1744-0084)	Q3 - ESCI <i>IF: 1.742</i>	1	Vol. 17, No. 1, pp. 45–53	01/2021

27	Towards faster big data analytics for anti- jamming applications in VANET	4	Không	Transactions on Emerging Telecommunication s Technologies (ISSN: 2161-3915)	Q2 - SCIE IF: 2.638		Vol. 32 Paper 4280	04/2021
----	---	---	-------	---	----------------------------------	--	--------------------------	---------

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 4 ([7] [12] [25] [26])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả

chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)